TEST REPORT

Technical Report: (9620)086-0390
***(Số Báo Cáo:** (9620)086-0390)*

April 06, 2020
(06 Tháng 04, 2020)

Bureau Veritas CPS Vietnam Limited
Lot C7-C9, Conurbation 2, Cat Lai Industrial Zone,
District 2,
Ho Chi Minh City
Tel: 84-8-3742- 1604~6 Fax: 84-8-3742- 1603

This report is governed by, and incorporates by reference, CPS Conditions of Service as posted at the date of issuance of this report at http://www.bureauveritas.com/home/about-us/our-business/cps/about-us/terms-conditions/ and is intended for your exclusive use. Any copying or replication of this report to or for any other person or entity, or use of our name or trademark, is permitted only with our prior written permission. This report sets forth our findings solely with respect to the test samples identified herein. The results set forth in this report are not indicative or representative of the quality or characteristics of the lot from which a test sample was taken or any similar or identical product unless specifically and expressly noted. Our report includes all of the tests requested by you and the results thereof based upon the information that you provided to us. Measurement uncertainty is only provided upon request for accredited tests. You have 60 days from date of issuance of this report to notify us of any material error or omission caused by our negligence or if you require measurement uncertainty; provided, however, that such notice shall be in writing and shall specifically address the issue you wish to raise. A failure to raise such issue within the prescribed time shall constitute you unqualified acceptance of the completeness of this report, the tests conducted and the correctness of the report contents.

TEST REPORT

IMPULSE FASHION VIETNAM GARMENT EXPORTING LIMITED COMPANY
1482 TINH LO 8 STREET, TAN THANH DONG VILLAGE, CU CHI DISTRICT, HCM CITY
(CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT KHẨU IMPULSE FASHION VIỆT NAM
1482 TỈNH LỘ 8, XÃ TÂN THẠNH ĐÔNG, HUYỆN CỦ CHI, TP. HỒ CHÍ MINH)

ATTN: THAO
(GỬI ĐẾN: THẢO)

LAB NO.: *(Số báo cáo)*	(9620)086-0390
FORM NO.: *(Mã biểu mẫu)*	/
DATE IN: *(Ngày nhận mẫu)*	Mar 26, 2020 *26 Tháng 03, 2020*
MODIFIED DATE IN: *(Ngày nhận mẫu điều chỉnh)*	April 04, 2020 *06 Tháng 4, 2020*
DATE OUT: *(Ngày phát hành)*	April 06, 202 *06 Tháng 4, 2020*
BUYER: *(Khách hàng)*	/
NO. OF WORKING DAYS: *(Số ngày thực hiện)*	1
PAGE 2 OF 9 *(Trang 2/10)*	

OVERALL RATING *(Kết quả tổng quát)*	**PASS** ***ĐẠT***

Vendor: ***(Khách hàng)***	IMPULSE FASHION VIETNAM GARMENT EXPORTING LIMITED COMPANY *CÔNG TY TNHH MAY MẶC XUẤT KHẨU IMPULSE FASHION VIỆT NAM*	**Agent:** ***(Người đại diện)***	/
Fabric Supplier/Mill: ***(Nhà cung cấp)***	/	**Factory/ Manufacturer:** ***(Nhà máy/ Xưởng sản xuất)***	/
P.O. No.:	/	**Style No.:** ***(Số Style)***	/
Sample Description: ***(Mô tả sản phẩm)***	3 LAYERS MASK - WATER RESISTANT - ANTIBACTERIAL - ANTIDUST + SUN UV PROTECTION + PHTHALATES, FORMALDEHYDE + LEAD + PH *(KHẨU TRANG 3 LỚP – CHỐNG THẤM NƯỚC – KHÁNG KHUẨN – CHỐNG BỤI – BẢO VỆ TIA UV)*		
Color: ***(Màu sắc)***	SCREEN	**Country of Destination:** ***(Thị trường xuất khẩu)***	US MARKET
Claimed Fabric Weight: ***(Trọng lượng)***	/	**Claimed Fabric Count:** ***(Mật độ vải)***	/

Product Category ***(Phân loại sản phẩm)***	FACE MASK *KHẨU TRANG*
Test Requested ***(Yêu cầu thử nghiệm)***	INDIVIDUAL TESTS PER VENDOR'S REQUEST FOR FURTHER DETAILS, PLEASE REFER TO THE FOLLOWING PAGE(S). *Theo biểu mẫu yêu cầu thử nghiệm đính kèm*
Previous Report No.	/

C/N

TEST PROPERTY ***NỘI DUNG THỬ NGHIỆM***	**COMMENTS** ***GHI CHÚ***
TRANSMITTANCE OR BLOCKING OF ERYTHEMALLY WEIGHTED ULTRAVIOLET RADIATION THROUGH FABRICS *KHẢ NĂNG BẢO VỆ TIA UV*	PASS *ĐẠT*
ANTIBACTERIAL ACTIVITY ASSESSMENT *KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN*	PASS *ĐẠT*
AIR PERMEABILITY *KHẢ NĂNG THOÁT KHÍ*	DATA *GIÁ TRỊ THAM KHẢO*
WATER RESISTANCE: HYDROSTATIC PRESSURE TEST KHẢ NĂNG CHỐNG THẤM: PHƯƠNG PHÁP ÁP SUẤT THỦY TĨNH	DATA *GIÁ TRỊ THAM KHẢO*
pH IN TEXTILE *GIÁ TRỊ pH*	PASS *ĐẠT*
HEAVY METALS *NỒNG ĐỘ KIM LOẠI NẶNG*	PASS *ĐẠT*
PHTHALATE TEST *HÀM LƯỢNG PHTHALATE*	PASS ĐẠT
TOTAL LEAD CONTENT HÀM LƯỢNG CHÌ	PASS ĐẠT

BVCPS Contact information for this report:
Thông tin liên lạc cho báo cáo này:

Technical questions:
Liên hệ về vấn đề kỹ thuật
Primary Contact: (*Liên hệ chính*) Jessy Cai, Tel: (84-28) 3742 1604~6; Email: Jessy.cai@bureauveritas.com
Back-up Contact: (*Liên hệ dự phòng*) Mandy Truong, Tel: (84-28) 3742 1604~6; Email: Mandy.truong@bureauveritas.com

Concerns About Billing and General Inquiries:
Liên hệ thanh toán và những yếu cầu chung:
Primary Contact: (*Liên hệ chính*) Claura Phu, Tel: (84-28) 3742 1604~6; Email: Claura.phu@bureauveritas.com
Back-up Contact: (*Liên hệ dự phòng*) Jane Nguyen, Tel: (84-28) 3742 1604~6; Email: Jane.nguyen@bureauveritas.com

Hotline for Korean vendors: (*Đường dây nóng cho các khách hàng Hàn Quốc*)
Contact: (*Liên hệ*) Thomas Yeum, Tel: (84-28) 3742 1604~6, Ext 542, Email: Thomas.yeum@bureauveritas.com

BUREAU VERITAS CPS VIETNAM LTD.

MANDY TRUONG
LAB MANAGER – SOFTLINES
QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM – HÀNG DỆT MAY

C/N

TEST RESULTS
(KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM)

TEST PROPERTY *(NỘI DUNG THỬ NGHIỆM)*		**REQUIREMENTS** *(YÊU CẦU)*
TRANSMITTANCE OR BLOCKING OF ERYTHEMALLY WEIGHTED ULTRAVIOLET RADIATION THROUGH FABRICS (AATCC 183 / ASTM D6603) *KHẢ NĂNG BẢO VỆ TIA UV*	SHELL + LINING *(LỚP NGOÀI + LỚP LÓT)*	
ULTRAVIOLET PROTECTION FACTOR (UPF) *CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG TIA UV*	485.0	
UV-A TRANSMITTANCE (MEAN) *ĐỘ TRUYỀN QUA UV-A TRUNG BÌNH*	0.749	
UV-B TRANSMITTANCE (MEAN) *ĐỘ TRUYỀN QUA UV-B TRUNG BÌNH*	0.169	
% BLOCKING (UV-A, 315nm – 400nm) *% NGĂN CHẶN UV-A*	99.251	
% BLOCKING (UV-B, 280nm – 315nm) *% NGĂN CHẶN UV-B*	99.831	
UPF RATINGS *PHÂN LOẠI UPF*	50+	UPF 50
PROTECTION CATEGORY *PHÂN CẤP*	EXCELLENT *XUẤT SẮC*	

REMARK 1: WITH REFERENCE TO ASTM D6603-2011, THE CLASSIFICATION FOR UV PROTECTION TEXTILE IS AS FOLLOWS:
GHI CHÚ 1: THEO TIÊU CHUẨN ASTM D6603-2011, PHÂN LOẠI KHẢ NĂNG BẢO VỆ TIA UV TRONG NGÀNH MAY MẶC NHƯ SAU:

UPF CLASSIFICATION

UPF RANGE	PROTECTION CATEGORY *PHÂN CẤP*	UPF RATINGS *PHÂN LOẠI UPF*
<15 *(< 15)*	CANNOT CLASSIFIED AS UV PROTECTIVE *KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG BẢO VỆ TIA UV*	–
15 TO 24 *(15 ĐẾN 24)*	GOOD PROTECTION *BẢO VỆ TỐT*	15, 20
25 TO 39 *(25 ĐẾN 39)*	VERY GOOD PROTECTION *BẢO VỆ RẤT TỐT*	25, 30, 35
40 TO 50, 50+ *(40 ĐẾN 50, TRÊN 50)*	EXCELLENT PROTECTION *BẢO VỆ XUẤT SẮC*	40, 45, 50, 50+

C/N

TEST RESULTS
(KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM)

TEST PROPERTY *(NỘI DUNG THỬ NGHIỆM)*			**REQUIREMENTS** *(YÊU CẦU)*
ANTIBACTERIAL FINISHES ASSESSMENT(AATCC 100-2019) *ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHÁNG KHUẨN*	WHITE FABRIC WITH PURPLE PRINT (SHELL) *Vải Chính: Vải Trắng In Màu tím*	WHITE FABRIC (LINING) *Vải Lót: Vải Trắng*	
% OF REDUCTION - STAPHYLOCOCCUS AUREUS (ATCC STRAIN 6538) *% HẠN CHẾ STAPHYLOCOCCUS AUREUS (ATCC STRAIN 6538)*	≥99.99%	≥99.99%	MIN. 99.9%
% OF REDUCTION - KLEBSIELLA PNEUMONIAE (ATCC STRAIN 4352) *% HẠN CHẾ KLEBSIELLA PNEUMONIAE (ATCC STRAIN 4352)*	≥99.99%	≥99.99%	MIN. 99.9%
AIR PERMEABILITY(ASTM D737-18) *(KHẢ NĂNG THOÁT KHÍ)*			
AIR PERMEABILITY *KHẢ NĂNG THOÁT KHÍ*	64.0 FT^3/ FT^2/ MIN		/
WATER RESISTANCE: HYDROSTATIC PRESSURE TEST(AATCC 127-18) *(KHẢ NĂNG CHỐNG THẤM: PHƯƠNG PHÁP ÁP SUẤT THỦY TĨNH)*			
WATER RESISTANCE *KHẢ NĂNG CHỐNG THẤM*	8.4 CMWS/S		/

C/N

TEST RESULT

Tested Item(s) : I001 White Fabric With Purple Print (Shell)
(Mẫu thử nghiệm số) *Vải Chính: Vải Trắng In Màu Đỏ/ Xanh*
I002 White Fabric (Lining)
Vải Lót: Vải Trắng

TEST RESULT

pH-VALUE
Giá trị pH

Test Method : *AATCC 81: 2016*
Phương pháp thử nghiệm

Maximum Limit: *Giới hạn tối đa*	White/ *Màu trắng*: 5.0-8.0 Others/ *Các màu khác*: 5.0-9.0

	Result ***Kết quả***	
Tested Item(s) *Mẫu thử nghiệm số*	I001	I002
pH-value *Giá trị pH*	6.8	7.0
Conclusion ***Kết luận***	PASS *ĐẠT*	PASS *ĐẠT*

C/N

HEAVY METALS
Nồng Độ Kim Loại Nặng

Test Method : Refer TCVN 8389-1:2010
Phương pháp thử nghiệm *Tham khảo tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010*

Maximum Limit *Giới hạn tối đa*	**Pb**	**Cd**	**Sb**	**Hg**	**As**
	1.0	**0.1**	**0.1**	**0.12**	**0.17**

-	**Unit** ***Đơn vị***	**Results** ***Kết quả***	
Tested Item(s) ***Mẫu thử nghiệm số:***	**-**	I001	I002
Parameter ***Thông số***	**-**		
Arsenic (As)	mg/kg	ND *KPH*	ND *KPH*
Lead (Pb)	mg/kg	ND *KPH*	ND *KPH*
Cadmium (Cd)	mg/kg	ND *KPH*	ND *KPH*
Antimony (Sb)	mg/kg	ND *KPH*	ND *KPH*
Mercury (Hg)	mg/kg	ND *KPH*	ND *KPH*
Conclusion ***(Kết luận)***	-	PASS *ĐẠT*	PASS *ĐẠT*

Note:
Ghi chú
ND = Not detected ">" = More than "<" = Less than
KPH = Không phát hiện *">" = Lớn hơn* *"<" = Nhỏ hơn*
ppm = part(s) per million = mg/kg mg/kg = milligram(s) per kilogram
ppm = một phần triệu = mg/kg *mg/kg = milligram(s) trên kilogram*
Detection Limit: 0.1 mg/kg
Ngưỡng phát hiện thấp nhất: 0.1 mg/kg

C/N

PHTHALATES
Hàm Lượng Phthalates

Test Method : CPSD-AN-00108-MTHD
Phương pháp thử nghiệm Solvent extraction with GC-MS/LC-MS analysis

Maximum Limit: *Giới hạn tối đa*	1000ppm (0.1%) each of DEHP, BBP and DBP

-	**Unit** ***Đơn vị***	**Results** ***Kết quả***
Tested Item(s) ***Mẫu thử nghiệm số:***	**-**	I001+I002
Parameter ***Thông số***	**-**	
DBP	mg/kg	ND *KPH*
BBP	mg/kg	ND *KPH*
DEHP	mg/kg	ND *KPH*
Conclusion ***(Kết luận)***	-	PASS *ĐẠT*

Note:
Ghi chú

ND = Not detected "**>**" = More than "**<**" = Less than
KPH = Không phát hiện *"**>**" = Lớn hơn* *"**<**" = Nhỏ hơn*
ppm = part(s) per million = mg/kg mg/kg = milligram(s) per kilogram
ppm = một phần triệu = mg/kg *mg/kg = milligram(s) trên kilogram*
Detection Limit: 50 mg/kg
Ngưỡng phát hiện thấp nhất: 50 mg/kg

TOTAL LEAD CONTENT
Hàm Lượng Chì

Test Method	:	EPA 3050B modified
Phương pháp thử		EPA 3051A modified
nghiệm		EPA 3052 modified

Maximum Limit: *Giới hạn tối đa*	90 mg/kg (Paints and surface coatings) 100 mg/kg (Substrates of products for children under 12 years old) 300 mg/kg (Others)

-	**Unit** ***Đơn vị***	**Results** ***Kết quả***
Tested Item(s) ***Mẫu thử nghiệm số:***	**-**	I001+I002
Parameter ***Thông số***	**-**	
Lead (Pb)	mg/kg	ND *KPH*
Conclusion ***(Kết luận)***	-	PASS *ĐẠT*

Note:
Ghi chú

ND = Not detected "**>**" = More than "**<**" = Less than
KPH = Không phát hiện *"**>**" = Lớn hơn* *"**<**" = Nhỏ hơn*
ppm = part(s) per million = mg/kg mg/kg = milligram(s) per kilogram
ppm = một phần triệu = mg/kg *mg/kg = milligram(s) trên kilogram*
Detection Limit: 10 mg/kg
Ngưỡng phát hiện thấp nhất: 10 mg/kg

--- End of report ---

C/N